

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

-----o0o-----



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục

Địa chỉ : 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3974 7322

Fax : 04. 3974 7321

Website : www.efi.vn

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
- Tên tiếng Anh : Education Financial Investment Joint stock company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 0103021027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 08 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 07 năm 2009. Thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 09 năm 2010 với giấy phép đăng ký kinh doanh số 0102556300.
- Vốn điều lệ : 134.257.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 134.257.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 81, đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : 04. 39.747322
- Fax : 04. 39.747321
- Website : www.efi.vn
- Mã cổ phiếu : EFI

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục được thành lập theo Quyết định số 1474/QĐ-TCNS ngày 19 tháng 12 năm 2007. Công ty thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
- Từ khi thành lập năm 2007, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính giáo dục đã thực hiện tăng vốn điều lệ lần một như sau: Ngày 12/7/2007 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 35.700.000.000 đồng thông qua phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Ngày 21/9/2009, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận số 51/GCN-SGDHN chấp thuận cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Tài chính được giao dịch trên Sàn chứng khoán Hà Nội.
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 1/12/2009 về việc tăng vốn điều lệ của công ty lên 135 tỷ đồng. Việc tăng vốn lần này chủ yếu cho dự án 187 Giảng Võ.
- Ngày 26/4/2010 Công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép tăng vốn điều lệ từ 35,7 tỷ lên 135 tỷ đồng.
- Ngày 22/7/2010 Công ty đã kết thúc đợt phát hành tăng vốn điều lệ với số vốn điều lệ mới là 134.257.000.000 đồng. Thặng dư thu được từ đợt phát hành là 22.834.332.577 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
 - + Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
 - + Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
 - + Xây dựng cao ốc;
 - + Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
 - + Kinh doanh bất động sản;
- Địa bàn kinh doanh: Tập trung chủ yếu tại Hà nội và một phần tại Đà Nẵng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

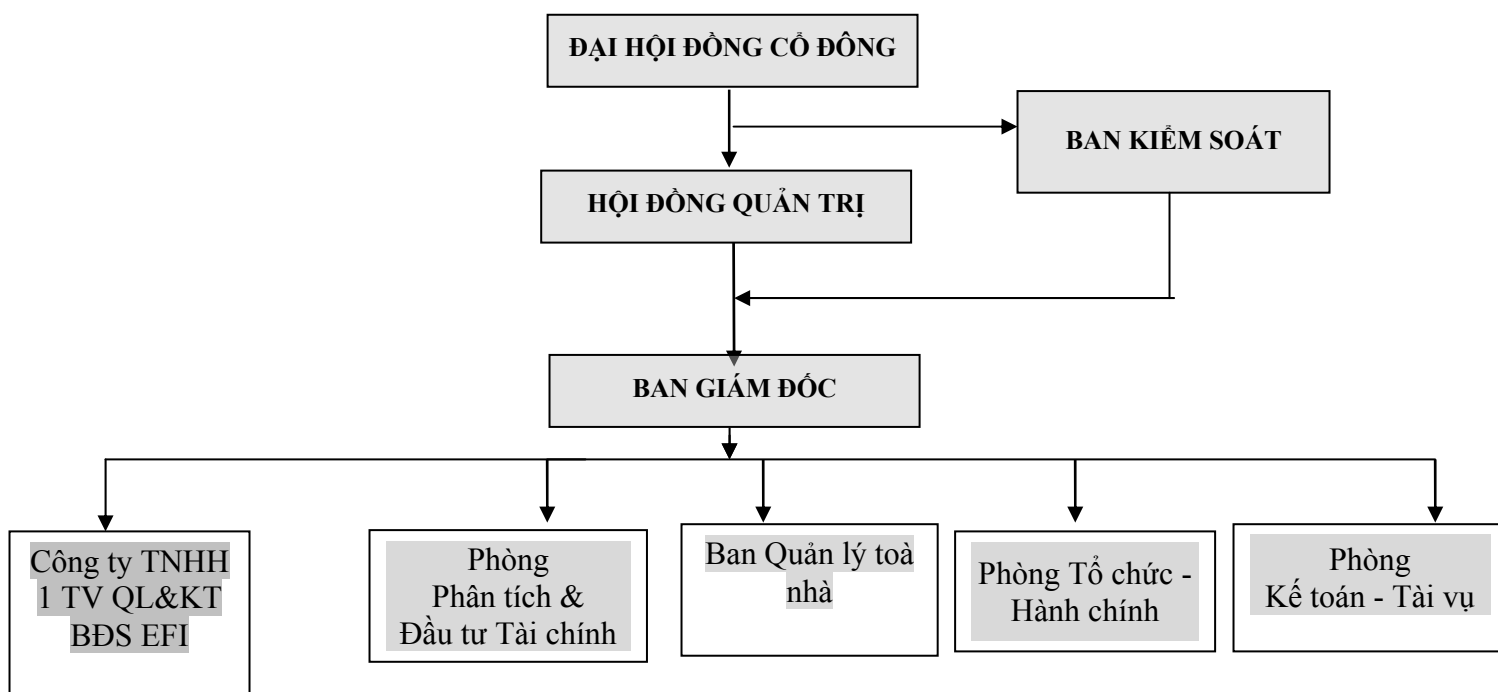
- Mô hình quản trị:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty CP Đầu tư Tài chính là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY



- Các Công ty Con, Công ty liên kết:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Vốn điều lệ thực góp (tỷ VND) | Vốn góp | | Ngành nghề kinh doanh chính |
|---|------------------------------|-------------------------------|------------------|------------------|-------------------------------------|
| | | | Số tiền (tỷ VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) | |
| Công ty TNHH Quản lý và Khai thác BĐS EFI | Số 81 Trần Hưng Đạo – Hà Nội | 6 | 6 | 100 | Quản lý BĐS, kinh doanh BĐS |
| Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam | Số 187B Giảng Võ – Hà Nội | 100 | 13 | 13 | Đầu tư thực hiện dự án 187 Giảng Võ |

5. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2013:

- Tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông giao trong năm 2013:

- Triển khai hoạt động kinh doanh và đầu tư năm 2013 theo định hướng sau:

+ Đối với hoạt động đầu tư tài chính: thận trọng, tiếp tục ưu tiên mục tiêu ổn định, tăng cường kiểm soát rủi ro: tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh ổn định, mức cổ tức cao. Tiếp tục cơ cấu lại danh mục đầu tư, rút vốn khỏi các doanh nghiệp kém hiệu quả. Tìm kiếm cơ hội mua doanh nghiệp, mua dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục.

+ Đối với lĩnh vực đầu tư BĐS: Tập trung đầu tư, khai thác các BĐS đã hoàn thành. Không đầu tư dàn trải vào các dự án quy mô lớn, kéo dài, không kiểm soát được hiệu quả và thời gian đầu tư.

+ Đối với lĩnh vực dịch vụ Quản lý và khai thác BĐS: Tập trung phát triển mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu, tăng doanh thu, lợi nhuận ổn định hàng năm.

+ Công tác quản trị công ty: Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các Quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị, ... tái cấu trúc bộ máy, tái cấu trúc vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và các quy chế khác.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty vẫn chủ trương phát triển các hoạt động dịch vụ như: Quản lý BĐS, Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, nhận ủy thác đầu tư, đầu tư vào giáo dục....

- Tiếp tục đầu tư vào các dự án BĐS tham gia cùng NXBGDVN: trước mắt là Dự án 187B Giảng Võ.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Dài hạn: tập trung tăng vốn trở thành Công ty Tài chính - Bất Động Sản của NXBGD Việt Nam.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường.

- Đối với xã hội và cộng đồng, Công ty nhiều năm qua đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng, chung tay góp cùng chính quyền cho bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, các chương trình ủng hộ giáo dục; học bổng, khám chữa bệnh...

6. Các rủi ro:

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

+ Chỉ tiêu tổng doanh thu: 24.550 triệu đồng, đạt 68% so với kế hoạch Đại hội cổ đông giao.

+ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: 15.388 triệu đồng, đạt 100,6% kế hoạch Đại hội cổ đông giao.

+ Lợi nhuận sau thuế để phân phối: 11.705 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch Đại hội cổ đông giao

+ Cổ tức dự kiến: 8%-10%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

❖ Bà: Lã Thị Vân Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám đốc Công ty

| | |
|-------------------------------|--|
| Họ và tên | Lã Thị Vân Anh |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày sinh | 10/04/1967 |
| Số CMT | 011565166 cấp ngày 26/10/2000 tại Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | Số 08 phố Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Trình độ văn hóa | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân |
| Trình độ lý luận chính trị | |
| Quá trình công tác: | |
| - Từ 1995 đến 2005 | Chuyên viên Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính |
| - Từ 2005 đến 2007 | Phó ban Kế hoạch Tài chính - NXBGDVN |
| - Từ 20/12/2007 đến 15/9/2010 | UVHĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục |
| - Từ 15/9/2010-nay | Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục |
| Số cổ phần nắm giữ | Số cổ phần của cá nhân là 135.000 cổ phần, chiếm 1,26 % số cổ phần đang lưu hành |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

❖ Bà: Nguyễn Thị Hồng Điệp – Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Giám đốc Công ty

| | |
|----------------------------|---|
| Họ và tên | Nguyễn Thị Hồng Điệp |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày sinh | 26/07/1969 |
| Số CMT | 011578686 cấp ngày 22/12/1999 tại Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | 45 Quang Trung, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Trình độ lý luận chính trị | |
| Quá trình công tác: | |
| - Từ 1988 đến 2007 | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| - Từ 20/12/2007 đến nay | UVHĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục |
| Số cổ phần nắm giữ | Số cổ phần của cá nhân là 125.000 cổ phần, chiếm 1,16% số cổ phần đang lưu hành |

❖ Ông: Bùi Văn Dũng - Kế toán trưởng Công ty

1. Giới tính : Nam
2. Ngày sinh : 27-07-1984
3. CMND : Cấp ngày: 27/07/1999 tại Hải Phòng
4. Quốc tịch : Việt Nam
5. Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội
7. Chỗ ở hiện tại : Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội
8. Số điện thoại liên lạc : 0938683579
9. Trình độ văn hóa : 12/12
10. Trình độ chuyên môn : Các chứng chỉ, bằng cấp, khoá học đã tham gia

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

| Thời gian | Trường đào tạo | Ghi chú |
|---------------|--|---------|
| 9/2002-6/2006 | Học Viện Tài chính (cử nhân Tài chính – Ngân Hàng) | |
| 9/2009-nay | Trường Đại học Luật Hà Nội | |
| | Các chương trình đào tạo chứng chỉ hành nghề kinhdoanh chứng khoán của UBCK Nhà nước | |

11. Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Ở đâu |
|----------------|--|---|
| 6/2006-11/2008 | Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên | Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (BDO Việt Nam) |
| 11/2008-3/2009 | Kế toán Tổng hợp | Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Hưng Thành |
| 03/2009-nay | Chuyên viên tài chính, Phụ trách kế toán, Kế toán trưởng | Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục |

12. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động của toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 là 40 người, các chính sách về lương, thưởng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tuân thủ theo quy chế tài chính của Công ty và phù hợp với quy định của nhà nước. Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Bảng - Cơ cấu lao động phân theo trình độ

| | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Số người |
|---|----------------------------------|-----------|
| 1 | Trình độ đại học và trên đại học | 19 |
| 2 | Trình độ cao đẳng và trung cấp | 18 |
| 3 | Công nhân kỹ thuật | 2 |
| 4 | Lao động phổ thông | 1 |
| | Tổng số | 40 |

Bảng - Cơ cấu lao động phân theo Hợp đồng Lao động

| STT | Hợp đồng lao động | Số người |
|----------------|----------------------------------|-----------------|
| 1 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 6 |
| 2 | Hợp đồng có thời hạn | 34 |
| 3 | Hợp đồng thời vụ | 0 |
| Tổng số | | 40 |

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện cho CBCNV có thu nhập ổn định. Năm 2011 và năm 2012, mức thu nhập bình quân đầu người toàn Công ty là 6.000.000 đồng /người/tháng.

- Chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế:

Toàn thể CBCNV của Công ty ký hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên đều được tham gia các chế độ BHYT, BHXH theo đúng quy định của Nhà nước.

- Chế độ về Bảo hộ lao động:

Do đặc thù ngành nghề, Công ty luôn chú trọng tới công tác bảo hộ lao động, phúc lợi xã hội, môi trường làm việc phải đảm bảo an toàn, vệ sinh.

- Một số chế độ khác:

Hàng năm, Công ty tổ chức cho các CBCNV có thành tích tốt trong công tác đi tham quan, nghỉ mát, học tập ở nước ngoài. Việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong Công ty cũng được duy trì đều đặn. Đồng thời, các cán bộ có năng lực được Công ty tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, tạo động lực phấn đấu cho người lao động. Ngoài ra, tổ chức Công đoàn luôn quan tâm, tặng quà cho CBCNV trong các ngày lễ 8/3, 20/10, 22/12, 2/9, ngày Tết, tổ chức vui chơi cho con em CBCNV nhân dịp 1/6, lễ Trung thu...

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Góp vốn vào dự án 187 Giảng Võ Complex City:

Dự án đã được UBND thành phố phê duyệt cho triển khai tại văn bản số 4104/UBND-QHXDGT ngày 30/5/2012 V/v *Triển khai dự án cải tạo, xây dựng lại khu 187 Giảng Võ, quận Đống Đa*. Hiện dự án đã được điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc đảm bảo phù hợp quy mô, quy hoạch của thành phố và được nộp lên Sở Kiến trúc thành phố Hà nội. Tháng 12/2012, Dự án cũng đã tiếp nhận toàn bộ mặt bằng từ Công ty Cổ phần In Diên Hồng (3.863,77 m²), toàn bộ phần diện tích còn lại để thực hiện dự án dự kiến sẽ được bàn giao trong Quý II/2013. Tính đến hết năm 2012, Công ty đã góp vốn vào dự án như sau:

- Số tiền đã góp vốn vào dự án năm 2012 là: 4.150.000.000 đồng (không bao gồm phần vốn nhận ủy thác đầu tư). Tổng số tiền góp vốn vào dự án đến nay là: 13.000.000.000 đồng (Mười ba tỷ đồng chẵn).

Dự án bị chậm so với tiến độ do nguyên nhân công tác giải phóng mặt bằng và phải điều chỉnh phương án kiến trúc cho phù hợp với kiến trúc tại các quận nội thành. Hiện tại công tác giải phóng mặt bằng đã gần hoàn thành, phương án kiến trúc mới cũng đã được điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch chung.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty TNHH một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI (EFI Real): là công ty có 100% vốn của Công ty Tài chính, ngày 01-01-2011 Công ty Tài chính đã chuyển giao vốn điều lệ cho Công ty EFI Real để Công ty EFI Real chính thức đi vào hoạt động. Với đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư vận hành có kinh nghiệm, được đào tạo và được cấp các chứng chỉ hành nghề Quản lý dự án, giám sát thi công, kinh doanh bất động sản, Công ty EFI Real có thể đáp ứng được những yêu cầu cao của các chủ đầu tư trong lĩnh vực vận hành, khai thác, quản lý và kinh doanh Bất động sản. Hiện công ty đang quản lý và khai thác tòa nhà HNX tại Số 2 Phan Chu Trinh – Q. Hoàn Kiếm – Hà nội, Công ty cũng đang có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh này và trong năm 2013 có kế hoạch quản lý thêm từ 01-02 tòa nhà nữa.

Các chỉ tiêu tài chính Công ty đạt được trong năm 2012 là:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | Thực hiện 2011 | So với KH (%) | So với 2011 (%) |
|-----|--------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|-----------------|
| 1 | Tổng Doanh thu | 5.550 | 5.000 | 6.169 | 111 | 89,97 |
| 2 | Tổng LN Trước thuế | 1.236 | 900 | 944 | 137,3 | 130,9 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 928 | 675 | 710 | 137,5 | 130,7 |

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: 1.000 đồng

| ST T | Chỉ Tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % Tăng giảm |
|------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 166.832.010 | 159.482.390 | -4,40% |
| 2 | Tổng doanh thu | 44.755.144 | 24.549.513 | -45,15% |
| 3 | Tổng chi phí | 30.444.760 | 9.161.371 | -69,90% |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 14.010.384 <i>11,02%/VĐLbq</i> | 15.388.142 <i>14,32%/VĐLbq</i> | 9,83% |
| 4 | Thuế TNDN | 2.748.787 | 3.682.765 | 33,98% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 11.261.596 <i>8,86%/VĐLbq</i> | 11.705.376 <i>10,89%/VĐLbq</i> | 3,94% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|--------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 12,20 | 24,50 |
| Hệ số thanh toán nhanh: | lần | 10,46 | 21,04 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Tỷ số Nợ phải trả trên Tổng tài sản | % | 5,17 | 2,54 |
| Tỷ số Nợ phải trả trên Vốn chủ sở hữu | % | 5,47 | 2,61 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Doanh thu thuần trên tổng tài sản | % | 26,65 | 15,39 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | % | 25,33 | 47,68 |
| Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 7,12 | 8,72 |
| Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) | % | 6,75 | 7,34 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 13.425.700 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 10.742.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.683.700 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/5/2012 để nhận cổ tức bằng tiền mặt năm 2012, Công ty có 1.533 cổ đông, cơ cấu như sau:

| TT | Cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Tỷ lệ |
|-------------|--------------------|----------|-------------------|-------------|
| 1 | Cá nhân trong nước | 1507 | 8.262.950 | 61,54% |
| 2 | Tổ chức trong nước | 22 | 2.444.550 | 18,20% |
| 3 | Cá nhân nước ngoài | 3 | 34.500 | 0,27% |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | | 2.683.700 | 19,99% |
| Cộng | | | 13.425.700 | 100% |

Cổ đông lớn:

1. Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam:

Địa chỉ : 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số cổ phần sở hữu : 1.394.000 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu : 12,98 % trên số cổ phiếu đang lưu hành

2. CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam:

Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ : Số 20, ngõ 4, phố Hải Phượng, Phường
Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh
Số cổ phần sở hữu : 666.000 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu : 6,2% số cổ phiếu đang lưu hành

3. Ông Nguyễn Quốc Hùng:

Quốc tịch: Việt Nam
Số cổ phần sở hữu : 900.000 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu : 8,38% số cổ phiếu đang lưu hành

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2012 Công ty không thực hiện tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 2.683.700 cổ phiếu.

- Các giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: Trong năm Công ty đã thực hiện giao dịch mua 255.100 cổ phiếu quỹ chia làm hai đợt:

+ Đợt 1: Từ ngày 11/01/2012 đến ngày 31/01/2012 số lượng cổ phiếu quỹ đã mua là 99.100 cổ phiếu.

+ Đợt 2: Từ ngày 10/02/2012 đến ngày 30/3/2012 số lượng cổ phiếu quỹ đã mua là 146.600 cổ phiếu

- Tổng lượng cổ phiếu quỹ đầu năm là 2.430.000 cổ phiếu.

- Tổng lượng cổ phiếu quỹ cuối năm là 2.683.700 cổ phiếu.

e) **Các chứng khoán khác:** Thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2012, EFI đã xây dựng chương trình ESOP năm 2012 với các nội dung chủ yếu như sau:

- **Đối tượng của chương trình:**
 - + CB.CNV Công ty Mẹ có tên trong danh sách hưởng lương đến ngày 31/3/2012, ký hợp đồng lao động thời hạn từ một năm trở lên và có thời gian làm việc thực tế tối thiểu 12 tháng tại Công ty;
 - + Dành tối đa 10% số lượng CP của chương trình để thưởng cho LĐ cao cấp, có đóng góp mang lại hiệu quả cao cho công ty, được HĐQT phê duyệt;
 - + Thành viên HĐQT, BKS;
 - + CB.CNV Công ty con có tên trong danh sách hưởng lương đến 31/3/2012, ký hợp đồng lao động thời hạn từ một năm trở lên và có thời gian làm việc thực tế tối thiểu 12 tháng tại Công ty là đối tượng tham gia chương trình và được hưởng tương ứng trong phạm vi nguồn quỹ Khen thưởng, phúc lợi thực tế đã đóng góp vào công ty mẹ.
- **Nguồn và hình thức của chương trình:** nguồn thực hiện từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục với hình thức là dùng cổ phiếu quỹ để khen thưởng bằng cổ phiếu.
- **Nguyên tắc xác định giá:** xác định mức giá cổ phiếu không thấp hơn giá mua bình quân mua CP quỹ, giá mua bình quân hiện tại là 6.627 đồng/cổ phần: giá cổ phiếu được xác định là 7.000 đồng/cổ phần.
- **Danh sách và số lượng cổ phiếu của chương trình:** căn cứ vào quy chế ESOP 2012. HĐQT quyết định danh sách CBCNV ban hành trong quy chế ESOP 2012 với tổng số lượng cổ phiếu khen thưởng là 149.600 cổ phần. Tuy nhiên do trong quá trình làm hồ sơ đến thời bắt đầu nộp hồ sơ lên VSD thì có hai nhân viên của Công ty là Bà Nguyễn Thị Thu Hương và Ông Nguyễn Văn Khánh đã thôi không còn làm việc tại công ty do đó không còn là thành viên của chương trình. Vậy tổng số cổ phiếu ESOP 2012 sẽ là 138.000 cổ phiếu.
- **Quy định về hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Cụ thể sau đủ 12 tháng kể từ ngày nhận cổ phiếu ESOP (**Thời điểm cổ phiếu về tài khoản của các thành viên tham gia chương trình**), thành viên của chương trình được xóa bỏ hạn chế (chuyển sang tự do chuyển nhượng) 50% tổng số cổ phiếu thực hưởng trong kỳ; sau đủ 12 tháng tiếp theo sẽ được xóa bỏ hạn chế 50% cổ phiếu thực hưởng còn lại.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- **Thời gian dự tính hoàn tất việc phân phối cổ phiếu của chương trình:** Trong tháng 3 năm 2013.
- **Mục đích của chương trình:** Tạo động lực để người lao động luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gắn lợi ích của người lao động với kết quả kinh doanh của công ty; Thu hút lao động có chất lượng cao, giữ chân nhân viên giỏi nhằm hạn chế trình trạng “chảy máu chất xám”; Thông qua chương trình, từng bước xây dựng văn hóa nghiệp chủ trong doanh nghiệp. Người lao động được sở hữu cổ phần sẽ làm việc và bảo vệ lợi ích công ty như cho chính bản thân, gia đình mình.

Chương trình đã được triển khai và dự kiến sẽ được hoàn thành trong tháng 3/2013.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Chỉ tiêu tổng doanh thu: 24.550 triệu đồng, đạt 68% so với kế hoạch Đại hội cổ đông giao.

+ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: 15.388 triệu đồng, đạt 100,6% kế hoạch Đại hội cổ đông giao.

+ Lợi nhuận sau thuế để phân phối: 11.705 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch Đại hội cổ đông giao

| STT | Chỉ Tiêu | Thực hiện 2011 | Kế hoạch 2012 | Thực hiện 2012 | So với KH (%) | So với 2011 (%) |
|-----|---------------------------|--|---------------|-----------------------------------|---------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 44.755.144 | 36.092.000 | 24.549.513 | 68,02 | 54,85 |
| 2 | Tổng chi phí | 30.444.760 | 20.799.000 | 9.161.371 | 44,05 | 30,09 |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 14.010.384 <i>11,02%/VĐL bq</i> | 15.293.000 | 15.388.142 <i>14,32%/VĐLbq</i> | 100,62 | 109,83 |
| 4 | Thuế TNDN | 2.748.787 | 3.823.250 | 3.682.765 | 96,33 | 133,98 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 11.261.596 <i>8,86%/VĐLbq</i> | 11.469.750 | 11.705.376 <i>10,89%/VĐLbq</i> | 102,05 | 103,94 |

Năm 2012 đã chứng kiến trạng thái kinh tế tương tự như năm 2008, những tháng đầu năm lạm phát cao, sau đó hạ xuống đến mức giảm phát, tuy vậy tình hình năm nay nghiêm trọng hơn nhiều, số doanh nghiệp đang đứng bên bờ vực phá sản gồm trên 20% tổng số doanh nghiệp vừa và nhỏ, các đại gia nhất là trong bất động sản và ngân hàng, hệ thống tiền tệ - mạch máu của nền kinh tế có dấu hiệu bị tắc nghẽn, lòng tin của nhà đầu tư, người tiêu dùng giảm đến mức đáng báo động. Tốc độ tăng trưởng GDP giảm, số lượng doanh nghiệp đóng cửa và tỷ lệ hàng tồn kho cao. Mà quan trọng hơn, còn thể hiện đặc biệt rõ nét ở xu hướng gia tăng số lượng các biến cố - sự cố bất thường, là những tín hiệu chỉ báo mức độ rủi ro hệ thống tăng lên, các loại tin đồn có tác động gây rối dư luận, làm suy giảm mạnh lòng tin thị trường vốn đã suy yếu đáng kể sau mấy năm nền kinh tế gặp khó khăn. Tranh chấp và xung đột đất đai, sự đổ bể của các tập đoàn kinh tế, các sự cố trong hệ thống ngân hàng, các loại tin đồn khác nhau được tung ra, sự lên xuống giạt cục của giá vàng, của giá cổ phiếu, sự thay đổi đột ngột các dòng tiền, ám ảnh nợ nần và tâm lý phá sản đè nặng...

Nhìn nhận tình hình chung thế để ta thấy rằng năm 2012 là một năm quá nhiều khó khăn, thách thức, đối với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục đặc biệt là đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.

Kết quả kinh doanh của Công ty sau kiểm toán đã vượt kế hoạch Lợi nhuận mà Đại hội cổ đông giao cho, thành quả đạt được là sự cố gắng phấn đấu nỗ lực của mỗi tập thể, mỗi cá nhân trong Công ty đặc biệt là sự quan tâm sâu sát và chỉ đạo kịp thời của Ban Điều hành trước mỗi khó khăn của thị trường BĐS và tài chính, Công ty luôn kiên định với đường lối chiến lược đã đề ra: phát triển trên cơ sở thận trọng, bảo toàn vốn và có lợi nhuận.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Trong năm 2012 Tổng tài sản của Công ty đã giảm 7.349 triệu, nguyên nhân tài sản giảm là do Công ty đã thực hiện mua cổ phiếu quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty.
- Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu nằm ở dạng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn thanh khoản cao.
- Năm 2012 Công ty cũng đã đạt được lợi nhuận sau thuế là 11.705 triệu đồng, EPS đạt 1.089 đồng so với mức lãi suất ngân hàng của năm 2012 thì hiệu quả sử dụng vốn của Công ty ở mức trung bình.

b) Tình hình nợ phải trả: Công ty không có nợ vay ngân hàng phải trả, nợ phải trả của Công ty chủ yếu là các khoản phải trả Công nhân viên.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm Công ty không có thay đổi đáng kể nào về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Những năm tiếp theo, Công ty sẽ không thực hiện tăng vốn ngay mà tích lũy, tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đạt mức lợi nhuận cao. Tập trung vào việc quản lý dự án mà Công ty tham gia, dùng nguồn lợi nhuận dự án mang lại để tạo bước phát triển đột phá trong tương lai. Đồng thời đẩy mạnh tìm kiếm phát triển thị trường quản lý Bất động sản để tạo nguồn thu ổn định hàng tháng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán: Công ty không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Các thành viên của HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ, giám sát công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- HĐQT họp định kỳ 1 tháng/1 lần, thành phần mở rộng tham gia dự họp gồm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát Công ty để trực tiếp trao đổi, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động của Công ty.
- Hoạt động của Công ty trong năm đã tuân thủ Nghị quyết của Hội đồng thường niên năm 2012 và đạt được những kết quả sau:
 - Kết quả sản xuất kinh doanh: đạt và vượt kế hoạch do Đại hội cổ đông giao cho.
 - Tiếp tục góp vốn vào dự án Giảng Võ.
 - Tiếp tục mua cổ phiếu quỹ đến 20% vốn điều lệ.
 - Thực hiện chương trình ESOP 2012 cho cán bộ công nhân viên.

2. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc Công ty đã hoạt động tuân thủ theo đúng phát luật, điều lệ Công ty, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT: Đánh giá năm 2013 nền kinh tế còn tiếp tục khó khăn vì thế HĐQT xác định năm 2013 Công ty phải hoạt động trên cơ sở thận trọng, an toàn tập trung vào các nguồn lực đang có, phát huy mở rộng thị trường quản lý BĐS, không đầu tư dàn trải, đầu tư vào những lĩnh vực an toàn vòng quay vốn nhanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. HĐQT của Công ty:

a) Thành viên và cơ cấu thành viên của HĐQT:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----------|----------------------|----------------|--------------------------|
| 1 | Lã Thị Vân Anh | Chủ tịch | |
| 2 | Nguyễn Thị Hồng Điệp | Ủy viên | |
| 3 | Nguyễn Quang Vinh | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm 5/3/2011 |
| 4 | Nguyễn Quốc Hùng | Ủy viên | Bổ nhiệm 5/3/2011 |
| 5 | Nguyễn Tuấn Anh | Ủy viên | Bầu bổ sung 24/3/2012 |

Trong đó danh sách các thành viên độc lập không điều hành:

❖ Ông: Nguyễn Quang Vinh – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

13. Giới tính : Nam
14. Ngày sinh : 03-02-1962
15. CMND : Cấp ngày: 11/8/1999 tại Hà Nội
16. Quốc tịch : Việt Nam
17. Dân tộc : Kinh
18. Địa chỉ thường trú : Số 22 Mạc Đĩnh Chi, Ba Đình, Hà Nội
19. Chỗ ở hiện tại : Số 22 Mạc Đĩnh Chi, Ba Đình, Hà Nội
20. Trình độ văn hóa : 12/12
21. Trình độ chuyên môn : Các chứng chỉ, bằng cấp, khoá học đã tham gia

| Thời gian | Trường đào tạo | Ghi chú |
|------------------|---|----------------|
| 9/1978-9/1983 | Đại học Tài chính - Kế toán (cử nhân Tài chính – Ngân Hàng) | |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

| | | |
|---------------|---|--|
| 3/2005-9/2007 | Trường Quản trị Kinh Doanh, Đại học Quốc Gia Hà Nội (Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh) | |
| | Các chương trình đào tạo chứng chỉ hành nghề kinhdoanh chứng khoán của UBCK Nhà nước | |

22. Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Ở đâu |
|------------------|--|---|
| 9/1983-9/1984 | Chuyên viên | Vụ Tài chính đối ngoại - Bộ tài chính |
| 9/1984-12/1987 | Sỹ quan quân đội | Tổng cục Kinh tế - Bộ Quốc Phòng |
| 01/1988-05/1992 | Chuyên viên | Vụ Tài chính Thương nghiệp Vật tư - Bộ Tài chính |
| 06/1992-02/2000 | Cán bộ, trưởng phòng | Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu tư PETEC |
| 03/2000-03/2010 | Trưởng phòng, Phó Giám đốc, UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) |
| 03/2010- 5/2011 | UVHĐQT kiêm Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) |
| 3/2011 - nay | Phó chủ tịch HĐQT | Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục |

11. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0 cổ phần

❖ Ông: *Nguyễn Quốc Hùng – Ủy Viên Hội đồng Quản trị*

1. Giới tính : Nam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2. Ngày sinh : 20/08/1965
3. CMND: 011019129 : Cấp ngày: 30/03/2000 tại : Hà nội
4. Quốc tịch : Việt Nam
5. Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : 64 Ngõ Thổ Quan, Khâm Thiên, Hà Nội
7. Trình độ văn hóa : 12/12
8. Trình độ chuyên môn : Các chứng chỉ, bằng cấp, khoá học đã tham gia

| Thời gian | Trường đào tạo | Ghi chú |
|------------------|------------------------|---------------------|
| 1993 - 1997 | Viện Đại học Mở Hà Nội | Quản trị Kinh doanh |

9. Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Ở đâu |
|---------------------|---|--|
| 1983 -1984 | Nhân viên | XN bán lẻ xăng dầu, Công ty xăng dầu khu vực I |
| 1984 - 1987 | Trình sát | Tiểu đoàn 52, Quân đoàn 14, Quân khu I |
| 1987 - 1995 | Nhân viên | XN bán lẻ xăng dầu, Công ty xăng dầu khu vực I |
| 2000 – tháng 1/2007 | Phụ trách Khối Dịch vụ kinh doanh chứng khoán, chi nhánh Hà Nội | Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn |
| 2007 - Nay | Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc | Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha |
| 3/2011 – Nay | Ủy viên Hội đồng Quản trị | Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục |

10. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0 cổ phần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

❖ Ông: Nguyễn Tuấn Anh – Ủy Viên Hội đồng Quản trị

1. Giới tính : Nam
2. Ngày sinh : 06/09/1972
3. CMND: 012274936 : Cấp ngày: 28/08/1999 tại : Hà nội
4. Quốc tịch : Việt Nam
5. Dân tộc : Kinh
6. Địa chỉ thường trú : 404-B15 Phường Quỳnh Lôi – Q.Hai Bà Trưng – Hà Nội
7. Trình độ văn hóa : 12/12
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ – Kiến trúc sư
9. Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Ở đâu |
|-------------------|-----------------------|--|
| 1994 – 2006 | Cán bộ, Giám đốc | Trung tâm tư vấn thiết kế I – Viện nghiên cứu |
| 12/2006 – 8/2009 | Phó Tổng giám đốc | Công ty CP Xây dựng Sông Hồng (Incomex) |
| 8/2009 – 12/2010 | Tổng giám đốc | Công ty CP kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí VN |
| 12/2010 – 12/2011 | Chủ tịch HĐQT/Giám | Công ty CP kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí VN |
| 12/2011 - Đến nay | Ủy viên HĐQT/Giám đốc | Công ty CP kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí VN |
| 3/2012 - Đến nay | Ủy viên HĐQT | Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục |

10.Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0 cổ phần

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

c) Hoạt động của HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2012:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------------|--------------|---------------------|-------|--------------------------------------|
| 1 | Bà Lã Thị Vân Anh | Chủ tịch | 08 | 100% | |
| 2 | Ông Phạm Thanh Nam | Phó Chủ tịch | 0 | 0 | Miễn nhiệm từ 6/3/2012 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp | Ủy viên | 08 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Quang Vinh | Ủy viên | 08 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Quốc Hùng | Ủy viên | 08 | 100% | |
| 6 | Ông Nguyễn Tuấn Anh | Ủy viên | 05 | 62,5% | Bổ nhiệm từ 24/3/2012 Đi công tác |

- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng nếu có bằng chứng chứng minh họ không đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ được giao phó hoặc họ có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Hội đồng quản trị cho rằng việc miễn nhiệm hoặc cách chức là cần thiết và vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Mức thù lao của HĐQT không quá 5% lợi nhuận sau thuế.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: không có gì đặc biệt.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|----|---------------------|----------------|--------------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Thúy Hạnh | Trưởng BKS | 18.200 | 0,17% |
| 2 | Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên BKS | 35.600 | 0,33% |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Hằng | Thành viên BKS | | |

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. BKS bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát trong năm có các hoạt động như sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

3. Những giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Tính chất giao dịch</u> | <u>Năm 2012 VND</u> | <u>Năm 2011 VND</u> |
|--|--|-------------------------|-------------------------|
| Hội đồng Quản trị | Thù lao Hội đồng Quản trị | 255.253.328 | 268.760.000 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành | Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành | 1.470.737.640 | 913.879.625 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

b) Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|-----|---------------------------|--|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--------------------------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Ông Bùi Văn Dũng | Cổ đông nội bộ | 13.000 | 0,12% | 0 | 0% | Cơ cấu lại danh mục đầu tư cá nhân |
| 2 | Ông Nguyễn Quốc Hùng | Cổ đông nội bộ | 900.000 | 8,38% | 0 | 0% | Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân |
| 3 | Nguyễn Mạnh Hùng | Cổ đông nội bộ | 34.600 | 0,32% | 35.600 | 0,33% | Cơ cấu việc đầu tư cá nhân |

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 99.509.403.217 | 105.470.973.138 |
| I- Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 36.648.029.754 | 23.795.657.409 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.148.029.754 | 4.295.657.409 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 32.500.000.000 | 19.500.000.000 |
| II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 48.634.054.712 | 66.535.857.879 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 49.577.918.133 | 73.394.371.689 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (943.863.421) | (6.858.513.810) |
| III- Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 14.118.577.824 | 15.087.870.067 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 5.334.854.578 | 12.956.090.252 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 50.577.539 | 117.682.438 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 5.3 | 8.881.914.302 | 2.014.097.377 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (148.768.595) | - |
| V- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 108.740.927 | 51.587.783 |
| 3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | 5.4 | 63.740.927 | 10.587.783 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 5.5 | 45.000.000 | 41.000.000 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 59.972.987.602 | 61.361.037.800 |
| II Tài sản cố định | 220 | | 265.451.912 | 386.922.743 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.6 | 247.951.912 | 354.422.743 |
| - Nguyên giá | 222 | | 752.925.563 | 752.925.563 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (504.973.651) | (398.502.820) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.7 | 17.500.000 | 32.500.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 60.000.000 | 60.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (42.500.000) | (27.500.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 5.8 | 29.210.314.500 | 29.210.314.500 |
| 1. Nguyên giá | 241 | | 29.210.314.500 | 29.210.314.500 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.9 | 30.450.000.000 | 31.744.370.212 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 13.000.000.000 | 14.320.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 17.450.000.000 | 17.500.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | (75.629.788) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 47.221.190 | 19.430.345 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.10 | 47.221.190 | 19.430.345 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 159.482.390.819 | 166.832.010.938 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 4.058.392.460 | 8.631.980.610 |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.028.392.460 | 8.631.980.610 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 452.931.432 | 325.300 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 36.000.000 | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.11 | 714.206.713 | 661.269.014 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 1.084.089.881 | 336.334.182 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | 183.950.000 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 5.12 | 213.249.506 | 6.561.049.757 |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | 1.527.914.928 | 889.052.357 |
| II- Nợ dài hạn | 330 | | 30.000.000 | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 30.000.000 | - |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 155.423.998.359 | 158.200.030.328 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | | 155.423.998.359 | 158.200.030.328 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 5.13 | 134.257.000.000 | 134.257.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 5.13 | 22.834.332.577 | 22.834.332.577 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | 5.13 | (17.802.679.500) | (15.280.840.625) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 5.13 | 1.626.209.416 | 1.063.129.590 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 5.13 | 1.728.243.642 | 1.165.163.816 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | 5.13 | 515.647.092 | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 5.13 | 12.265.245.132 | 14.161.244.970 |
| C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 159.482.390.819 | 166.832.010.938 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2012 | Năm 2011 |
|--|-----------|------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.14 | 10.548.976.009 | 24.564.699.546 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 5.14 | 10.548.976.009 | 24.564.699.546 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.15 | 8.741.020.883 | 19.001.656.135 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 1.807.955.126 | 5.563.043.411 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.16 | 14.000.537.245 | 19.890.444.967 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.17 | (3.007.730.432) | 8.934.979.155 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 305.556 | 9.000.000 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | 70.374.545 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 2.859.216.074 | 2.737.750.343 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 15.957.006.729 | 13.710.384.335 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 5.18 | - | 300.000.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 5.18 | 568.864.639 | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | (568.864.639) | 300.000.000 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 15.388.142.090 | 14.010.384.335 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.19 | 3.682.765.532 | 2.748.787.825 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 11.705.376.558 | 11.261.596.510 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số | 61 | | - | - |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ | 62 | | 11.705.376.558 | 11.261.596.510 |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.20 | 1.089 | 886 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

| CHỈ TIÊU | MS | Năm 2012 | Năm 2011 |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| | | VND | VND |
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 15.388.142.090 | 14.010.384.335 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 121.470.831 | 135.760.254 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (5.794.342.162) | 2.261.872.610 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (11.065.956.401) | (11.255.465.812) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 305.556 | 9.000.000 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (1.350.380.086) | 5.161.551.387 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 886.316.882 | (8.142.507.998) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | - | 280.000 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (5.152.558.929) | 1.806.313.618 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (27.790.845) | 34.118.808 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (305.556) | (9.000.000) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (3.517.974.791) | (4.391.843.847) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 300.000.000 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (1.219.930.635) | (452.767.230) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (10.382.623.960) | (5.693.855.262) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | (40.500.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 16.162.727.273 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (142.477.254.433) | (113.428.972.568) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 166.608.987.776 | 108.689.087.889 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (7.680.000.000) | (9.820.000.000) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 11.065.956.401 | 19.946.648.968 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 36.533.868.180 | 21.508.991.562 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | (2.521.838.875) | (16.410.598.525) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 250.305.556 | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (250.305.556) | (4.500.000.000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (10.777.033.000) | (8.566.957.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (13.298.871.875) | (29.477.555.525) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | 12.852.372.345 | (13.662.419.225) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 23.795.657.409 | 37.458.076.634 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 36.648.029.754 | 23.795.657.409 |

(Toàn bộ báo cáo kiểm toán của Công ty đã được công bố theo đúng quy định)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Trên đây là một số báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị và định hướng kế hoạch hoạt động để các nhà đầu tư, cổ đông hiểu rõ hơn về công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục.

Trân trọng kính chào và chúc sức khỏe.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2013

GIÁM ĐỐC

LÃ THỊ VÂN ANH